

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-08-2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Nhắc.

Ông Phạm Văn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng L - Sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Anh Hồ V - Sinh năm: 1984, địa chỉ: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2018, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mộng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hồ V tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 4 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân là do anh V hay ghen, thường xuyên uống rượu, sau khi đã có uống rượu thì lại tìm cớ đánh chị. Chị và anh V sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được. Trong khoảng thời gian sống ly thân (từ năm 2009 cho đến nay) giữa chị và anh V mạnh ai nấy sống mà không có sự quan tâm chăm sóc

lẫn nhau. Anh V có đến thăm con nhưng không có trao đổi gì với chị để nhằm mục đích đoàn tụ. Chị và anh V đã không còn tình cảm vợ chồng, không thể đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh V có một người con chung là Hồ Gia P - Sinh ngày 04/02/2008, hiện đang sống chung nhà với chị. Từ khi chị và anh V sống ly thân cho đến nay thì chị là người trực tiếp nuôi con. Chị L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày là không có.

Bị đơn là anh Hồ V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mộng L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Hồ V, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, yêu cầu được nuôi người con chung là Hồ Gia P, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về tài sản chung và xác định chị và anh V không có nợ chung.

Bị đơn là anh Hồ V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Mộng L, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L: Chị Nguyễn Thị Mộng L được ly hôn với anh Hồ V, giao cho chị L được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh Hồ V là Hồ Gia P, về tài sản chung, về nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Mộng L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Hồ V có địa chỉ tại ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Hồ V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời vào ngày 10/4/2018 chị Nguyễn Thị Mộng L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh Hồ V là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng L và anh Hồ V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre. Việc kết hôn giữa chị L với anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh V. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được chị L và anh V có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống mà mạnh ai nấy sống. Bản thân anh V không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để gặp gỡ, trao đổi với chị L nhằm mục đích đoàn tụ. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị L yêu cầu được nuôi người con chung giữa chị với anh V là: Hồ Gia P - Sinh ngày 04/02/2008. Xét thấy, từ khi chị L và anh V sống ly thân cho đến nay thì chị L là người trực tiếp nuôi con, tại biên bản về việc hỏi ý kiến của người con từ đủ bảy tuổi trở lên trong vụ án hôn nhân và gia đình lập ngày 10/4/2018 thì người con này (Hồ Gia P) có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ là chị Nguyễn Thị Mộng L. Đồng thời, anh Hồ V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào có yêu cầu về việc nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Tại đơn khởi kiện ngày 21/3/2018, chị Nguyễn Thị Mộng L có yêu cầu anh Hồ V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000đồng/tháng, tuy nhiên tại văn bản ngày 10/4/2018 (bút lục 26) chị L đã rút yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con của chị L là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Hồ V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Nguyễn Thị Mộng L không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ

chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng L là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 217, 218, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị Mộng L.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng L:

2.1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng L được ly hôn với anh Hồ V.

2.2) Về nuôi con chung:

2.2.1. Chị Nguyễn Thị Mộng L được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Hồ V là: Hồ Gia Ph - Sinh ngày 04 tháng 02 năm 2008 (người con này hiện đang sống chung với chị L).

2.2.2. Anh Hồ V có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Hồ V lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Mộng L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Hồ V.

2.2.3. Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Mộng L, anh Hồ V, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Anh Hồ V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung; chị Nguyễn Thị Mộng L không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, xác định là không có nợ chung; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre

cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4) Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014832 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Mộng L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

2.5) Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Mộng L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Hồ V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện M, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên

